TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88 /2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa nguyên đơn chị Nông Thị V và bị đơn anh Trần Đình T; Địa chỉ: Cùng trú tại SN 37, đường Xuân Thủy, tổ 3, phường Quang Trung, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nông Thị V và anh Trần Đình T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị V và anh Trần Đình T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nông Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cháu Trần Diệu L - SN: 27/6/2005 và cháu Trần Quang M - SN 27/6/2008 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Đình T cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Quang M với mức tiền 1.500.000,đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2020 đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết;
- *Về công nợ chung*: Không có.
- *Về án phí:* Chị Nông Thị V tự nguyện chịu 150.000.đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 150.000.đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang, biên lai số 0002173 ngày 22 tháng 6 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- THADS TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nghị